

Số: 811/2018/QĐ - PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

2/ Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 222/2018/DS – ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị như sau:

- Về tố tụng:

Toà án nhân dân Quận X thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, về đối tượng của hợp đồng công chứng chứng thực việc tặng cho tài sản, phân chia tài sản chung liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng, quyền sở hữu nhà ở của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có lời khai mâu thuẫn, cấp sơ thẩm lập biên bản đối chất [BL số 186] để thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận X không chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận X nghiên cứu kiểm sát và tham gia phiên tòa là vi phạm khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015 và điểm g, khoản 3, Điều 27 Thông tư số 02/2016/TTLT – VKSNDTC – TANDTC ngày 31/8/2016 quy định phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Theo lời khai và đơn phản tố ngày 18/8/2017 bà N không đồng ý yêu cầu nguyên đơn, đề nghị Tòa án nhân dân Quận X công nhận các văn bản công chứng gồm: Văn bản công chứng D0420 của văn phòng công chứng H; Văn bản công chứng số 5477, 14820 của văn phòng công chứng Quận X; Văn bản công chứng số 11899, 11900, 11901 của Văn phòng công chứng D hợp pháp, có hiệu lực từ thời điểm ký công chứng. Nhận thấy, lời khai của bị đơn chỉ yêu cầu phản bác lại đối với khởi kiện nguyên đơn không đồng ý hủy văn bản công chứng vô hiệu. Cấp sơ thẩm thông báo cho bà N nộp tiền tạm ứng án phí ngày 30/8/2017 và thông báo thụ lý yêu cầu phản tố số 111.1/2017/TB -TLVA ngày

30/8/2017 là chưa phù hợp Điều 200 BLTTDS 2015 và Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

- Về nội dung:

Trong hồ sơ thể hiện, theo nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2013/CNTTDS - ST ngày 27/3/2013 của Tòa án nhân dân Quận X, ông Nguyễn Hữu L có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Quốc N số tiền 3,8 tỷ đồng. Sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2013/CNTT-DSST ngày 27/3/2013 có hiệu lực ông Nguyễn Hữu L chưa trả đầy đủ cho ông Vũ Quốc N nên ông N yêu cầu cơ quan thi hành án Quận X thi hành quyết định nêu trên. Ngoài lời khai của ông N thừa nhận ông L mới thanh toán cho ông số tiền 800.000.000 đồng, không có chứng cứ khác chứng minh ông L trả số tiền còn lại 3 tỷ đồng cho ông Vũ Quốc N. Tuy nhiên, vào các ngày 26/4/2013; ngày 2/5/2013; ngày 2/10/2013; ngày 12/12/2013 ông Nguyễn Hữu L đã lập văn bản thỏa thuận chia tài sản chung, tài sản riêng giữa ông với vợ ông là bà Nguyễn Thị N. Đồng thời, ông L lập hợp đồng tặng cho tài sản nhà xưởng, quyền sử dụng đất cho bà N cụ thể: Hợp đồng tặng cho tài sản - một phần văn phòng, nhà xưởng trên quyền sử dụng đất thuê (không bao gồm quyền sử dụng đất) thửa số 278, 327, 328 tờ bản đồ số 51 xã T, huyện C; quyền sở hữu công trình xây dựng số 485/2009 và quyền sở hữu Công trình tại địa chỉ Ấp 1, Xã Tân Thuận Đông, huyện C số Công chứng 011899, quyền số 5, ngày 26/4/2013 tại Văn phòng công chứng D, TP. Hồ Chí Minh; Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ ấp 1 xã T, huyện C số công chứng 011900 quyền số 5 ngày 26/4/2013 của phòng công chứng D, TP. Hồ Chí Minh; Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng đối với quyền sử dụng đất thửa số 268, 319 tờ bản đồ số 6, xã T, huyện C; quyền sở hữu công trình tại địa chỉ ấp 1, xã T, huyện C theo giấy chứng nhận số 485/2009/GCN-QSHCTXD và giấy chứng nhận số 486/2009/GCN-QSHCTXD, số công chứng 14820, quyền số 10 ngày 2/10/2013 của Văn phòng công chứng Quận X; Hợp đồng tặng cho tài sản - một phần văn phòng và quyền sử dụng đất thửa số 303, 304, 318 tờ bản đồ số 6, ấp 1 Xã T, huyện C số công chứng 011901 quyền số 5 ngày 26/4/2013 của phòng công chứng D - Tp. Hồ Chí Minh; Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng đối với một phần thửa đất số 303, 304 và 318 tờ bản đồ số 6 xã T, huyện C, số công chứng 020420, quyền số 12 ngày 12/12/2013 của Văn phòng H, TP. Hồ Chí Minh; Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng đối với quyền sử dụng đất thửa số 325 tờ bản đồ số 1 xã T, huyện C số công chứng 5477 ngày 2/5/2013 của Văn phòng công chứng Quận X. Nhận thấy, việc ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N lập hợp đồng tặng cho tài sản - một phần văn phòng, nhà xưởng trên quyền sử dụng đất thuê; Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng; hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất là sau ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực và trong thời kỳ hôn nhân (ông L bà N ly hôn có Quyết định công nhận thỏa thuận ly hôn tháng 7/2013, tài sản chung hai bên tự thỏa thuận [BL 109]). Mặt khác, bà N khai đã đưa tiền cho ông L thanh toán cho ông N nhưng ông L không dùng tài sản đã chuyển đổi, tặng cho tài sản trên để thi

hành Quyết định thanh toán 3 tỷ cho ông Vũ Quốc N là có dấu hiệu tẩu tán tài sản; trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ là vi phạm Điều 29 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 42 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các văn bản pháp luật Thi hành hành án dân sự cụ thể là vi phạm Điều 6 Thông tư 14/2010/TTLT –BTP – TANDTC –VKSNDTC hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự; Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 nên vô hiệu. Bản án sơ thẩm căn cứ lời khai của ông L nại rằng ông nợ ông N là hai người cấu kết để lấy tiền của bà N và lập luận các văn bản thỏa thuận tài sản chung giữa ông L bà N, các hợp đồng tặng cho tài sản của ông L đối với bà N là sự tự nguyện có công chứng chứng thực có hiệu lực; căn cứ vào bằng lập số 91 ngày 8/5/2013 tại Thừa phát lại Quận 5 kèm theo “Văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 8/5/2013”, đề cho rằng ông L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông N trong khi vi bằng số 91 ngày 8/5/2013 đã được ông L và ông N thỏa thuận hủy bỏ bởi vi bằng số 4183/2017/VB-TPLQ5 ngày 19/8/2017 để quyết định không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận phản tố của bị đơn là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ.

Trong vụ án ý kiến của bà Nguyễn Thi N là ý kiến phản bác lại nguyên đơn, cấp sơ thẩm thụ lý đơn phản tố của bà N chưa đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo đó, Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Vũ Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) là chưa phù hợp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận X kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 222/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân Quận X.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố Quyết định rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm số 257/QĐ-VKS-DS ngày 13/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành.

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 356/2018/TLPT- DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” giữa:

Nguyên đơn: Ông Vũ Quốc N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 235 đường C, Phường V, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 79/51/20 đường P, Phường S, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1957

Địa chỉ: Nhà số 303, Chung cư M, Lô 1C, Đường 16A, phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954

Địa chỉ: 41 đường L, Phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: 11L-12L khu T, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 519 đường P, Phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh N

2/ Phòng Công chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 94-96 đường K, Phường X, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trí H

3/ Văn phòng Công chứng H

Địa chỉ: 215 đường T, Phường E, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Hoàng Xuân X

2. Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2018/DS – ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có hiệu lực thi hành án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Quận X;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (20);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Quy